|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS ĐỨC GIANG** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I MÔN VẬT LÍ 8**  **Năm học 2019 - 2020**  **Thời gian làm bài: 45 phút**  **Mã đề: 001** |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (5 điểm): *Tô vào phiếu trả lời phương án mà em chọn.***

**Câu 1.**Trong các phát biểu sau đây về lực đẩy Acsimet, phát biểu nào là **đúng**?

**A.** Lực đẩy Acsimet tác dụng lên vật có phương thẳng đứng, chiều từ trên xuống dưới.

**B.** Lực đẩy Acsimet tác dụng lên vật ngược chiều với lực khác tác dụng lên vật đó.

**C.** Lực đẩy Acsimet tác dụng lên vật có phương thẳng đứng, chiều từ dưới lên trên.

**D.** Lực đẩy Acsimet tác dụng lên vật theo mọi phương.

**Câu 2.** Một vật có khối lượng 2,5 kg được đặt trên mặt bàn nằm ngang với diện tích tiếp xúc là 20 cm2. Áp suất của vật đó tác dụng lên mặt bàn là bao nhiêu?

**A.** 125 N/m2 **B.** 1250 N/m2 **C.** 1,25 N/m2 **D.** 12500 N/m2

**Câu 3.** Trong các chuyển động sau đây, chuyển động nào là chuyển động đều?

**A.** Chuyển động của ô tô khi khởi hành. **B.** Chuyển động của đoàn tàu khi vào ga.

**C.** Chuyển động của đầu kim đồng hồ. **D.** Chuyển động của người đi xe đạp khi lên dốc.

**Câu 4.** Một quả cầu bằng sắt có thể tích 4 dm3 được nhúng chìm trong nước, biết khối lượng riêng của nước 1000kg/m3. Lực đẩy Acsimét tác dụng lên quả cầu là:

**A.** 4000N **B.** 40000N **C.** 2500N **D.** 40N

**Câu 5.** Hình nào sau đây biểu diễn đúng lực kéo F có độ lớn 20N, tác dụng lên vật theo phương nằm ngang, chiều từ trái sang phải?

10N

20 N

10 N

1N

**A.**  **B.**  **C.**  **D.**

**Câu 6.** Trong các cách làm sau đây, cách nào làm giảm được lực ma sát?

**A.** Tăng độ nhẵn giữa các mặt tiếp xúc. **B.** Tăng độ nhám mặt tiếp xúc.

**C.** Tăng diện tích mặt tiếp xúc. **D.** Tăng lực ép lên các mặt tiếp xúc.

**Câu 7.** Hãy cho biết câu nào dưới đây là **không đúng** khi nói về áp suất khí quyển?

**A.** Áp suất khí quyển được sinh ra do áp lực của các lớp không khí bao bọc xung quanh trái đất.

**B.** Áp suất khí quyển chỉ có ở trái đất, các thiên thể khác trong vũ trụ không có.

**C.** Càng lên cao áp suất khí quyển càng giảm.

**D.** Trái Đất và mọi vật trên Trái Đất đều chịu tác dụng của áp suất khí quyển theo mọi hướng.

**Câu 8.** Một người đi quãng đường dài 2,4 km với vận tốc 10 m/s. Thời gian để người đó đi hết quãng đường là:

**A.** t = 24 giây **B.** t = 4 phút **C.** t = 0,24 giờ **D.** t = 6,67 giờ

**Câu 9.** Phát biểu nào sau đây là **sai**?

**A.** Vật có khối lượng lớn thì có quán tính nhỏ.

**B.** Tính chất giữ nguyên vận tốc của vật gọi là quán tính.

**C.** Quán tính của vật có liên quan tới khối lượng của vật đó.

**D.** Vì có quán tính nên mọi vật không thể thay đổi vận tốc ngay được.

**Câu 10.** Hành khách ngồi trên ô tô thấy mình bị nghiêng người sang phải. Nhận xét nào sau đây là **đúng**?

**A.** Xe đột ngột tăng vận tốc. **B.** Xe đột ngột giảm vận tốc.

**C.** Xe đột ngột rẽ sang phải. **D.** Xe đột ngột rẽ sang trái.

**Câu 11.** Chuyển động và đứng yên có tính tương đối vì:

**A.** Một vật đứng yên hay chuyển động phụ thuộc vào vật mốc được chọn.

**B.** Một vật đứng yên thì nó sẽ đứng yên trong mọi trường hợp.

**C.** Một vật đang chuyển động thì nó sẽ chuyển động trong mọi trường hợp.

**D.** Một vật đứng yên hay chuyển động còn phụ thuộc vào khoảng cách so với vật khác.

**Câu 12.** Chuyển động của đầu van xe đạp so với trục xe khi xe chuyển động thẳng trên đường là:

**A.** chuyển động tròn **B.** chuyển động thẳng

**C.** kết hợp giữa chuyển động thẳng với chuyển động tròn **D.** chuyển động cong

**Câu 13.** Một tàu ngầm đang di chuyển dưới biển. Áp kế đặt ở ngoài vỏ tàu chỉ 875000 N/m2, một lúc sau áp kế chỉ 1165000 N/m2. Nhận xét nào sau đây là **đúng**?

**A.** Tàu đang chuyển động về phía trước theo phương ngang **B.** Tàu đang lặn xuống

**C.** Tàu đang chuyển động lùi về phía sau theo phương ngang **D.** Tàu đang từ từ nổi lên

**Câu 14.** Trong các câu nói về vận tốc dưới đây câu nào **sai**?

**A.** Vận tốc cho biết mức độ nhanh hay chậm của chuyển động.

**B.** Công thức tính vận tốc là : v = s.t.

**C.** Độ lớn của vận tốc được tính bằng quãng đường đi được trong một đơn vị thời gian.

**D.** Đơn vị của vận tốc là km/h hoặc m/s.

**Câu 15.** Công thức tính áp suất chất lỏng là:

**A.** p = d.V **B.**  **C.** p = d.h **D.** 

**Câu 16.** Lực là đại lượng véc-tơ vì lực là đại lượng

**A.** chỉ có độ lớn. **B.** vừa có phương vừa có chiều.

**C.** có độ lớn, phương và chiều. **D.** vừa có độ lớn vừa có phương.

**Câu 17.** Có các viên gạch giống hệt nhau với kích thước 5 x 10 x 20 (cm) được xếp ở ba vị trí như hình vẽ. Biết tại vị trí 2 có hai viên gạch được xếp chồng lên nhau. Hỏi áp lực do các viên gạch tác dụng lên mặt đất tại vị trí nào lớn nhất?

5cm

20cm

5cm

20cm

5cm

20cm

1

2

3

**A.** Tại vị trí 2. **B.** Tại vị trí 3. **C.** Tại vị trí 1. **D.** Tại ba vị trí áp lực như nhau.

**Câu 18.** Một xe máy đi với vận tốc 12 km/h. Con số đó cho ta biết điều gì?

**A.** Xe máy đi được 12 km. **B.** Mỗi giờ xe máy đi được 12 km.

**C.** Thời gian đi của xe máy. **D.** Quãng đường đi được của xe máy.

**Câu 19.** Đơn vị đo áp suất là:

**A.** N/m2 **B.** N.m **C.** N/m **D.** N

**Câu 20.** Trường hợp nào sau đây có ma sát trượt?

**A.** Bánh xe đạp lăn từ từ rồi dừng lại. **B.** Bánh xe quay khi bác thợ cân lại vành bánh xe.

**C.** Bánh xe bắt đầu lăn bánh khi bị đạp đi. **D.** Bánh xe đạp bị phanh dừng lại.

**II. PHẦN TỰ LUẬN: (5 điểm)**

**Câu 1: *(1,0 điểm).*** Một người đi xe máy từ A đến B dài 96 km. Trong thời gian 1 giờ 30 phút đầu, xe chạy với vận tốc 40 km/h. Trên quãng đường còn lại, xe chạy với vận tốc 10m/s. Tính vận tốc trung bình của xe trên cả quãng đường AB.

**Câu 2: *(1,0 điểm).*** Giải thích hiện tượng sau: Khi cán búa lỏng, có thể làm chặt bằng cách gõ mạnh đuôi cán xuống đất.

**Câu 3: *(3,0 điểm).*** Một vật có khối lượng 2,5 kg đang nằm yên trên mặt bàn nằm ngang.

a). Tính áp suất do vật tác dụng lên mặt bàn, biết diện tích tiếp xúc giữa vật và mặt bàn là 125cm2.

b). Nhúng chìm vật đó vào một bình có độ cao 1,5m đang chứa đầy nước. Tính áp suất của nước tại vị trí vật ở độ sâu cách mặt nước 0,5m. Biết trọng lượng riêng của nước là d = 10000 N/m3.

c). Biết vật nặng trên được làm bằng một chất có khối lượng riêng D = 7800 kg/m3. Tính lực đẩy Ac-si-mét tác dụng lên vật.

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS ĐỨC GIANG** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I MÔN VẬT LÍ 8**  **Năm học 2019 - 2020**  **Thời gian làm bài: 45 phút**  **Mã đề: 002** |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (5 điểm): *Tô vào phiếu trả lời phương án mà em chọn.***

***Câu 1.*** Có các viên gạch giống hệt nhau với kích thước 5 x 10 x 20 (cm) được xếp ở ba vị trí như hình vẽ. Biết tại vị trí 2 có hai viên gạch được xếp chồng lên nhau. Hỏi áp lực do các viên gạch tác dụng lên mặt đất tại vị trí nào lớn nhất?

5cm

20cm

5cm

20cm

5cm

20cm

1

2

3

**A.** Tại vị trí 1. **B.** Tại vị trí 2. **C.** Tại vị trí 3. **D.** Tại ba vị trí áp lực như nhau.

**Câu 2.** Trong các phát biểu sau đây về lực đẩy Acsimet, phát biểu nào là **đúng**?

**A.** Lực đẩy Acsimet tác dụng lên vật có phương thẳng đứng, chiều từ trên xuống dưới.

**B.** Lực đẩy Acsimet tác dụng lên vật theo mọi phương.

**C.** Lực đẩy Acsimet tác dụng lên vật có phương thẳng đứng, chiều từ dưới lên trên.

**D.** Lực đẩy Acsimet tác dụng lên vật ngược chiều với lực khác tác dụng lên vật đó.

**Câu 3.** Trong các câu nói về vận tốc dưới đây câu nào **sai**?

**A.** Độ lớn của vận tốc được tính bằng quãng đường đi được trong một đơn vị thời gian.

**B.** Công thức tính vận tốc là : v = s.t.

**C.** Vận tốc cho biết mức độ nhanh hay chậm của chuyển động.

**D.** Đơn vị của vận tốc là km/h hoặc m/s.

**Câu 4.** Trong các cách làm sau đây, cách nào làm giảm được lực ma sát?

**A.** Tăng diện tích mặt tiếp xúc. **B.** Tăng lực ép lên các mặt tiếp xúc.

**C.** Tăng độ nhám mặt tiếp xúc. **D.** Tăng độ nhẵn giữa các mặt tiếp xúc.

**Câu 5.** Phát biểu nào sau đây là **sai**?

**A.** Tính chất giữ nguyên vận tốc của vật gọi là quán tính.

**B.** Vì có quán tính nên mọi vật không thể thay đổi vận tốc ngay được.

**C.** Vật có khối lượng lớn thì có quán tính nhỏ.

**D.** Quán tính của vật có liên quan tới khối lượng của vật đó.

**Câu 6.** Hãy cho biết câu nào dưới đây là **không đúng** khi nói về áp suất khí quyển?

**A.** Áp suất khí quyển chỉ có ở trái đất, các thiên thể khác trong vũ trụ không có.

**B.** Áp suất khí quyển được sinh ra do áp lực của các lớp không khí bao bọc xung quanh trái đất.

**C.** Càng lên cao áp suất khí quyển càng giảm.

**D.** Trái Đất và mọi vật trên Trái Đất đều chịu tác dụng của áp suất khí quyển theo mọi hướng.

**Câu 7.** Công thức tính áp suất chất lỏng là:

**A.**  **B.** p = d.h **C.**  **D.** p = d.V

**Câu 8.** Đơn vị đo áp suất là:

**A.** N/m2 **B.** N/m **C.** N **D.** N.m

**Câu 9.** Hình nào sau đây biểu diễn đúng lực kéo F có độ lớn 20N, tác dụng lên vật theo phương nằm ngang, chiều từ trái sang phải?

1N

20 N

10 N

10N

**A.**  **B.**  **C.**  **D.**

**Câu 10.** Lực là đại lượng véc-tơ vì lực là đại lượng

**A.** chỉ có độ lớn. **B.** có độ lớn, phương và chiều.

**C.** vừa có độ lớn vừa có phương. **D.** vừa có phương vừa có chiều.

**Câu 11.** Trường hợp nào sau đây có ma sát trượt?

**A.** Bánh xe bắt đầu lăn bánh khi bị đạp đi. **B.** Bánh xe đạp lăn từ từ rồi dừng lại.

**C.** Bánh xe quay khi bác thợ cân lại vành bánh xe. **D.** Bánh xe đạp bị phanh dừng lại.

**Câu 12.** Chuyển động và đứng yên có tính tương đối vì:

**A.** Một vật đang chuyển động thì nó sẽ chuyển động trong mọi trường hợp.

**B.** Một vật đứng yên hay chuyển động phụ thuộc vào vật mốc được chọn.

**C.** Một vật đứng yên hay chuyển động còn phụ thuộc vào khoảng cách so với vật khác.

**D.** Một vật đứng yên thì nó sẽ đứng yên trong mọi trường hợp.

**Câu 13.** Một vật có khối lượng 2,5 kg được đặt trên mặt bàn nằm ngang với diện tích tiếp xúc là 20 cm2. Áp suất của vật đó tác dụng lên mặt bàn là bao nhiêu?

**A.** 1,25 N/m2 **B.** 125 N/m2 **C.** 1250 N/m2 **D.** 12500 N/m2

**Câu 14.** Chuyển động của đầu van xe đạp so với trục xe khi xe chuyển động thẳng trên đường là:

**A.** chuyển động cong **B.** chuyển động tròn

**C.** chuyển động thẳng **D.** kết hợp giữa chuyển động thẳng với chuyển động tròn

**Câu 15.** Một người đi quãng đường dài 2,4 km với vận tốc 10 m/s. Thời gian để người đó đi hết quãng đường là:

**A.** t = 4 phút **B.** t = 0,24 giờ **C.** t = 24 giây **D.** t = 6,67 giờ

**Câu 16.** Trong các chuyển động sau đây, chuyển động nào là chuyển động đều?

**A.** Chuyển động của đầu kim đồng hồ. **B.** Chuyển động của đoàn tàu khi vào ga.

**C.** Chuyển động của người đi xe đạp khi lên dốc. **D.** Chuyển động của ô tô khi khởi hành.

**Câu 17.** Một quả cầu bằng sắt có thể tích 4 dm3 được nhúng chìm trong nước, biết khối lượng riêng của nước 1000kg/m3. Lực đẩy Acsimét tác dụng lên quả cầu là:

**A.** 4000N **B.** 2500N **C.** 40000N **D.** 40N

**Câu 18.** Một xe máy đi với vận tốc 12 km/h. Con số đó cho ta biết điều gì?

**A.** Thời gian đi của xe máy. **B.** Quãng đường đi được của xe máy.

**C.** Xe máy đi được 12 km. **D.** Mỗi giờ xe máy đi được 12 km.

**Câu 19.** Hành khách ngồi trên ô tô thấy mình bị nghiêng người sang phải. Nhận xét nào sau đây là **đúng**?

**A.** Xe đột ngột rẽ sang trái. **B.** Xe đột ngột giảm vận tốc.

**C.** Xe đột ngột rẽ sang phải. **D.** Xe đột ngột tăng vận tốc.

**Câu 20.** Một tàu ngầm đang di chuyển dưới biển. Áp kế đặt ở ngoài vỏ tàu chỉ 875000 N/m2, một lúc sau áp kế chỉ 1165000 N/m2. Nhận xét nào sau đây là **đúng**?

**A.** Tàu đang chuyển động về phía trước theo phương ngang **B.** Tàu đang lặn xuống

**C.** Tàu đang chuyển động lùi về phía sau theo phương ngang **D.** Tàu đang từ từ nổi lên

**II. PHẦN TỰ LUẬN: (5 điểm)**

**Câu 1: *(1,0 điểm).*** Một người đi xe máy từ A đến B dài 96 km. Trong thời gian 1 giờ 30 phút đầu, xe chạy với vận tốc 40 km/h. Trên quãng đường còn lại, xe chạy với vận tốc 10m/s. Tính vận tốc trung bình của xe trên cả quãng đường AB.

**Câu 2: *(1,0 điểm).*** Giải thích hiện tượng sau: Khi cán búa lỏng, có thể làm chặt bằng cách gõ mạnh đuôi cán xuống đất.

**Câu 3: *(3,0 điểm).*** Một vật có khối lượng 2,5 kg đang nằm yên trên mặt bàn nằm ngang.

a). Tính áp suất do vật tác dụng lên mặt bàn, biết diện tích tiếp xúc giữa vật và mặt bàn là 125cm2.

b). Nhúng chìm vật đó vào một bình có độ cao 1,5m đang chứa đầy nước. Tính áp suất của nước tại vị trí vật ở độ sâu cách mặt nước 0,5m. Biết trọng lượng riêng của nước là d = 10000 N/m3.

c). Biết vật nặng trên được làm bằng một chất có khối lượng riêng D = 7800 kg/m3. Tính lực đẩy Ac-si-mét tác dụng lên vật.

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS ĐỨC GIANG** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I MÔN VẬT LÍ 8**  **Năm học 2019 - 2020**  **Thời gian làm bài: 45 phút**  **Mã đề: 003** |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (5 điểm): *Tô vào phiếu trả lời phương án mà em chọn.***

***Câu 1.*** Chuyển động và đứng yên có tính tương đối vì:

**A.** Một vật đứng yên thì nó sẽ đứng yên trong mọi trường hợp.

**B.** Một vật đứng yên hay chuyển động còn phụ thuộc vào khoảng cách so với vật khác.

**C.** Một vật đứng yên hay chuyển động phụ thuộc vào vật mốc được chọn.

**D.** Một vật đang chuyển động thì nó sẽ chuyển động trong mọi trường hợp.

**Câu 2.** Chuyển động của đầu van xe đạp so với trục xe khi xe chuyển động thẳng trên đường là:

**A.** chuyển động tròn **B.** chuyển động cong

**C.** kết hợp giữa chuyển động thẳng với chuyển động tròn **D.** chuyển động thẳng

**Câu 3.** Một vật có khối lượng 2,5 kg được đặt trên mặt bàn nằm ngang với diện tích tiếp xúc là 20 cm2. Áp suất của vật đó tác dụng lên mặt bàn là bao nhiêu?

**A.** 125 N/m2 **B.** 1,25 N/m2 **C.** 1250 N/m2 **D.** 12500 N/m2

**Câu 4.** Đơn vị đo áp suất là:

**A.** N.m **B.** N **C.** N/m2 **D.** N/m

**Câu 5.** Trong các phát biểu sau đây về lực đẩy Acsimet, phát biểu nào là **đúng**?

**A.** Lực đẩy Acsimet tác dụng lên vật có phương thẳng đứng, chiều từ trên xuống dưới.

**B.** Lực đẩy Acsimet tác dụng lên vật theo mọi phương.

**C.** Lực đẩy Acsimet tác dụng lên vật có phương thẳng đứng, chiều từ dưới lên trên.

**D.** Lực đẩy Acsimet tác dụng lên vật ngược chiều với lực khác tác dụng lên vật đó.

**Câu 6.** Hành khách ngồi trên ô tô thấy mình bị nghiêng người sang phải. Nhận xét nào sau đây là **đúng**?

**A.** Xe đột ngột rẽ sang trái. **B.** Xe đột ngột tăng vận tốc.

**C.** Xe đột ngột giảm vận tốc. **D.** Xe đột ngột rẽ sang phải.

**Câu 7.** Trong các câu nói về vận tốc dưới đây câu nào **sai**?

**A.** Vận tốc cho biết mức độ nhanh hay chậm của chuyển động.

**B.** Công thức tính vận tốc là : v = s.t.

**C.** Độ lớn của vận tốc được tính bằng quãng đường đi được trong một đơn vị thời gian.

**D.** Đơn vị của vận tốc là km/h hoặc m/s.

**Câu 8.** Công thức tính áp suất chất lỏng là:

**A.**  **B.** p = d.h **C.** p = d.V **D.** 

**Câu 9.** Trong các cách làm sau đây, cách nào làm giảm được lực ma sát?

**A.** Tăng độ nhẵn giữa các mặt tiếp xúc. **B.** Tăng diện tích mặt tiếp xúc.

**C.** Tăng lực ép lên các mặt tiếp xúc. **D.** Tăng độ nhám mặt tiếp xúc.

**Câu 10.** Hình nào sau đây biểu diễn đúng lực kéo F có độ lớn 20N, tác dụng lên vật theo phương nằm ngang, chiều từ trái sang phải?

10N

20 N

10 N

1N

**A.**  **B.**  **C.**  **D.**

**Câu 11.** Lực là đại lượng véc-tơ vì lực là đại lượng

**A.** chỉ có độ lớn. **B.** vừa có phương vừa có chiều.

**C.** có độ lớn, phương và chiều. **D.** vừa có độ lớn vừa có phương.

**Câu 12.** Trong các chuyển động sau đây, chuyển động nào là chuyển động đều?

**A.** Chuyển động của người đi xe đạp khi lên dốc. **B.** Chuyển động của đoàn tàu khi vào ga.

**C.** Chuyển động của ô tô khi khởi hành. **D.** Chuyển động của đầu kim đồng hồ.

**Câu 13.** Một tàu ngầm đang di chuyển dưới biển. Áp kế đặt ở ngoài vỏ tàu chỉ 875000 N/m2, một lúc sau áp kế chỉ 1165000 N/m2. Nhận xét nào sau đây là **đúng**?

**A.** Tàu đang chuyển động lùi về phía sau theo phương ngang **B.** Tàu đang từ từ nổi lên

**C.** Tàu đang chuyển động về phía trước theo phương ngang **D.** Tàu đang lặn xuống

**Câu 14.** Trường hợp nào sau đây có ma sát trượt?

**A.** Bánh xe đạp bị phanh dừng lại. **B.** Bánh xe quay khi bác thợ cân lại vành bánh xe.

**C.** Bánh xe bắt đầu lăn bánh khi bị đạp đi. **D.** Bánh xe đạp lăn từ từ rồi dừng lại.

**Câu 15.** Hãy cho biết câu nào dưới đây là **không đúng** khi nói về áp suất khí quyển?

**A.** Càng lên cao áp suất khí quyển càng giảm.

**B.** Áp suất khí quyển chỉ có ở trái đất, các thiên thể khác trong vũ trụ không có.

**C.** Trái Đất và mọi vật trên Trái Đất đều chịu tác dụng của áp suất khí quyển theo mọi hướng.

**D.** Áp suất khí quyển được sinh ra do áp lực của các lớp không khí bao bọc xung quanh trái đất.

**Câu 16.** Một người đi quãng đường dài 2,4 km với vận tốc 10 m/s. Thời gian để người đó đi hết quãng đường là:

**A.** t = 0,24 giờ **B.** t = 4 phút **C.** t = 24 giây **D.** t = 6,67 giờ

**Câu 17.** Một xe máy đi với vận tốc 12 km/h. Con số đó cho ta biết điều gì?

**A.** Thời gian đi của xe máy. **B.** Quãng đường đi được của xe máy.

**C.** Mỗi giờ xe máy đi được 12 km. **D.** Xe máy đi được 12 km.

**Câu 18.** Có các viên gạch giống hệt nhau với kích thước 5 x 10 x 20 (cm) được xếp ở ba vị trí như hình vẽ. Biết tại vị trí 2 có hai viên gạch được xếp chồng lên nhau. Hỏi áp lực do các viên gạch tác dụng lên mặt đất tại vị trí nào lớn nhất?

5cm

20cm

5cm

20cm

5cm

20cm

1

2

3

**A.** Tại vị trí 1. **B.** Tại vị trí 3. **C.** Tại vị trí 2. **D.** Tại ba vị trí áp lực như nhau.

**Câu 19.** Một quả cầu bằng sắt có thể tích 4 dm3 được nhúng chìm trong nước, biết khối lượng riêng của nước 1000kg/m3. Lực đẩy Acsimét tác dụng lên quả cầu là:

**A.** 40000N **B.** 4000N **C.** 2500N **D.** 40N

**Câu 20.** Phát biểu nào sau đây là **sai**?

**A.** Vật có khối lượng lớn thì có quán tính nhỏ.

**B.** Quán tính của vật có liên quan tới khối lượng của vật đó.

**C.** Vì có quán tính nên mọi vật không thể thay đổi vận tốc ngay được.

**D.** Tính chất giữ nguyên vận tốc của vật gọi là quán tính.

**II. PHẦN TỰ LUẬN: (5 điểm)**

**Câu 1: *(1,0 điểm).*** Một người đi xe máy từ A đến B dài 96 km. Trong thời gian 1 giờ 30 phút đầu, xe chạy với vận tốc 40 km/h. Trên quãng đường còn lại, xe chạy với vận tốc 10m/s. Tính vận tốc trung bình của xe trên cả quãng đường AB.

**Câu 2: *(1,0 điểm).*** Giải thích hiện tượng sau: Khi cán búa lỏng, có thể làm chặt bằng cách gõ mạnh đuôi cán xuống đất.

**Câu 3: *(3,0 điểm).*** Một vật có khối lượng 2,5 kg đang nằm yên trên mặt bàn nằm ngang.

a). Tính áp suất do vật tác dụng lên mặt bàn, biết diện tích tiếp xúc giữa vật và mặt bàn là 125cm2.

b). Nhúng chìm vật đó vào một bình có độ cao 1,5m đang chứa đầy nước. Tính áp suất của nước tại vị trí vật ở độ sâu cách mặt nước 0,5m. Biết trọng lượng riêng của nước là d = 10000 N/m3.

c). Biết vật nặng trên được làm bằng một chất có khối lượng riêng D = 7800 kg/m3. Tính lực đẩy Ac-si-mét tác dụng lên vật.

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS ĐỨC GIANG** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I MÔN VẬT LÍ 8**  **Năm học 2019 - 2020**  **Thời gian làm bài: 45 phút**  **Mã đề: 004** |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (5 điểm): *Tô vào phiếu trả lời phương án mà em chọn.***

***Câu 1.*** Phát biểu nào sau đây là **sai**?

**A.** Vì có quán tính nên mọi vật không thể thay đổi vận tốc ngay được.

**B.** Tính chất giữ nguyên vận tốc của vật gọi là quán tính.

**C.** Quán tính của vật có liên quan tới khối lượng của vật đó.

**D.** Vật có khối lượng lớn thì có quán tính nhỏ.

**Câu 2.** Trong các phát biểu sau đây về lực đẩy Acsimet, phát biểu nào là **đúng**?

**A.** Lực đẩy Acsimet tác dụng lên vật có phương thẳng đứng, chiều từ dưới lên trên.

**B.** Lực đẩy Acsimet tác dụng lên vật ngược chiều với lực khác tác dụng lên vật đó.

**C.** Lực đẩy Acsimet tác dụng lên vật theo mọi phương.

**D.** Lực đẩy Acsimet tác dụng lên vật có phương thẳng đứng, chiều từ trên xuống dưới.

**Câu 3.** Hành khách ngồi trên ô tô thấy mình bị nghiêng người sang phải. Nhận xét nào sau đây là **đúng**?

**A.** Xe đột ngột tăng vận tốc. **B.** Xe đột ngột giảm vận tốc.

**C.** Xe đột ngột rẽ sang trái. **D.** Xe đột ngột rẽ sang phải.

**Câu 4.** Trong các chuyển động sau đây, chuyển động nào là chuyển động đều?

**A.** Chuyển động của đoàn tàu khi vào ga. **B.** Chuyển động của người đi xe đạp khi lên dốc.

**C.** Chuyển động của ô tô khi khởi hành. **D.** Chuyển động của đầu kim đồng hồ.

**Câu 5.** Hình nào sau đây biểu diễn đúng lực kéo F có độ lớn 20N, tác dụng lên vật theo phương nằm ngang, chiều từ trái sang phải?

1N

10 N

20 N

10N

**A.**  **B.**  **C.**  **D.**

**Câu 6.** Có các viên gạch giống hệt nhau với kích thước 5 x 10 x 20 (cm) được xếp ở ba vị trí như hình vẽ. Biết tại vị trí 2 có hai viên gạch được xếp chồng lên nhau. Hỏi áp lực do các viên gạch tác dụng lên mặt đất tại vị trí nào lớn nhất?

5cm

20cm

5cm

20cm

5cm

20cm

1

2

3

**A.** Tại ba vị trí áp lực như nhau. **B.** Tại vị trí 2. **C.** Tại vị trí 3. **D.** Tại vị trí 1.

**Câu 7.** Lực là đại lượng véc-tơ vì lực là đại lượng

**A.** vừa có độ lớn vừa có phương. **B.** có độ lớn, phương và chiều.

**C.** vừa có phương vừa có chiều. **D.** chỉ có độ lớn.

**Câu 8.** Một vật có khối lượng 2,5 kg được đặt trên mặt bàn nằm ngang với diện tích tiếp xúc là 20 cm2. Áp suất của vật đó tác dụng lên mặt bàn là bao nhiêu?

**A.** 12500 N/m2 **B.** 125 N/m2 **C.** 1,25 N/m2 **D.** 1250 N/m2

**Câu 9.** Trường hợp nào sau đây có ma sát trượt?

**A.** Bánh xe bắt đầu lăn bánh khi bị đạp đi. **B.** Bánh xe đạp bị phanh dừng lại.

**C.** Bánh xe quay khi bác thợ cân lại vành bánh xe. **D.** Bánh xe đạp lăn từ từ rồi dừng lại.

**Câu 10.** Hãy cho biết câu nào dưới đây là **không đúng** khi nói về áp suất khí quyển?

**A.** Càng lên cao áp suất khí quyển càng giảm.

**B.** Trái Đất và mọi vật trên Trái Đất đều chịu tác dụng của áp suất khí quyển theo mọi hướng.

**C.** Áp suất khí quyển được sinh ra do áp lực của các lớp không khí bao bọc xung quanh trái đất.

**D.** Áp suất khí quyển chỉ có ở trái đất, các thiên thể khác trong vũ trụ không có.

**Câu 11.** Trong các cách làm sau đây, cách nào làm giảm được lực ma sát?

**A.** Tăng diện tích mặt tiếp xúc. **B.** Tăng độ nhẵn giữa các mặt tiếp xúc.

**C.** Tăng độ nhám mặt tiếp xúc. **D.** Tăng lực ép lên các mặt tiếp xúc.

**Câu 12.** Chuyển động và đứng yên có tính tương đối vì:

**A.** Một vật đứng yên thì nó sẽ đứng yên trong mọi trường hợp.

**B.** Một vật đang chuyển động thì nó sẽ chuyển động trong mọi trường hợp.

**C.** Một vật đứng yên hay chuyển động còn phụ thuộc vào khoảng cách so với vật khác.

**D.** Một vật đứng yên hay chuyển động phụ thuộc vào vật mốc được chọn.

**Câu 13.** Một xe máy đi với vận tốc 12 km/h. Con số đó cho ta biết điều gì?

**A.** Mỗi giờ xe máy đi được 12 km. **B.** Xe máy đi được 12 km.

**C.** Quãng đường đi được của xe máy. **D.** Thời gian đi của xe máy.

**Câu 14.** Một tàu ngầm đang di chuyển dưới biển. Áp kế đặt ở ngoài vỏ tàu chỉ 875000 N/m2, một lúc sau áp kế chỉ 1165000 N/m2. Nhận xét nào sau đây là **đúng**?

**A.** Tàu đang lặn xuống **B.** Tàu đang chuyển động lùi về phía sau theo phương ngang

**C.** Tàu đang từ từ nổi lên **D.** Tàu đang chuyển động về phía trước theo phương ngang

**Câu 15.** Công thức tính áp suất chất lỏng là:

**A.**  **B.**  **C.** p = d.h **D.** p = d.V

**Câu 16.** Chuyển động của đầu van xe đạp so với trục xe khi xe chuyển động thẳng trên đường là:

**A.** chuyển động thẳng **B.** kết hợp giữa chuyển động thẳng với chuyển động tròn

**C.** chuyển động tròn **D.** chuyển động cong

**Câu 17.** Đơn vị đo áp suất là:

**A.** N **B.** N/m2 **C.** N/m **D.** N.m

**Câu 18.** Một quả cầu bằng sắt có thể tích 4 dm3 được nhúng chìm trong nước, biết khối lượng riêng của nước 1000kg/m3. Lực đẩy Acsimét tác dụng lên quả cầu là:

**A.** 40000N **B.** 2500N **C.** 4000N **D.** 40N

**Câu 19.** Một người đi quãng đường dài 2,4 km với vận tốc 10 m/s. Thời gian để người đó đi hết quãng đường là:

**A.** t = 24 giây **B.** t = 6,67 giờ **C.** t = 4 phút **D.** t = 0,24 giờ

**Câu 20.** Trong các câu nói về vận tốc dưới đây câu nào **sai**?

**A.** Đơn vị của vận tốc là km/h hoặc m/s.

**B.** Công thức tính vận tốc là : v = s.t.

**C.** Vận tốc cho biết mức độ nhanh hay chậm của chuyển động.

**D.** Độ lớn của vận tốc được tính bằng quãng đường đi được trong một đơn vị thời gian.

**II. PHẦN TỰ LUẬN: (5 điểm)**

**Câu 1: *(1,0 điểm).*** Một người đi xe máy từ A đến B dài 96 km. Trong thời gian 1 giờ 30 phút đầu, xe chạy với vận tốc 40 km/h. Trên quãng đường còn lại, xe chạy với vận tốc 10m/s. Tính vận tốc trung bình của xe trên cả quãng đường AB.

**Câu 2: *(1,0 điểm).*** Giải thích hiện tượng sau: Khi cán búa lỏng, có thể làm chặt bằng cách gõ mạnh đuôi cán xuống đất.

**Câu 3: *(3,0 điểm).*** Một vật có khối lượng 2,5 kg đang nằm yên trên mặt bàn nằm ngang.

a). Tính áp suất do vật tác dụng lên mặt bàn, biết diện tích tiếp xúc giữa vật và mặt bàn là 125cm2.

b). Nhúng chìm vật đó vào một bình có độ cao 1,5m đang chứa đầy nước. Tính áp suất của nước tại vị trí vật ở độ sâu cách mặt nước 0,5m. Biết trọng lượng riêng của nước là d = 10000 N/m3.

c). Biết vật nặng trên được làm bằng một chất có khối lượng riêng D = 7800 kg/m3. Tính lực đẩy Ac-si-mét tác dụng lên vật.

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS ĐỨC GIANG** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I MÔN VẬT LÍ 8**  **Năm học 2019 - 2020**  **Thời gian làm bài: 45 phút** |

**MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức:*** Kiểm tra kiến thức cơ bản thuộc các nội dung trọng tâm học kì 1.

***2. Kĩ năng:***

- Rèn kì năng vận dụng kiến thức đã học và trình bày các bài toán Vật lí.

- Giúp học sinh có tư duy Vật lí và rèn kĩ năng làm bài trắc nghiệm.

***3. Thái độ:*** Đảm bảo tính trung thực, khách quan trong kiểm tra, đánh giá.

***4. Định hướng phát triển năng lực:*** Tự học, tư duy sáng tạo, vận dụng, liên hệ thực tế.

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng điểm** | |
| **Biết** | | **Hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| 1. Vận tốc. Chuyển động đều, không đều. | 4  1,0 |  | 1  0,25 | 1  0,5 | 1  0,25 | 1  0,5 |  |  | 1,5 | 1,0 |
| 2. Lực - Biểu diễn lực - Quán tính | 3  0,75 | 1  0,5 | 2  0,5 | 1  0,5 | 1  0,25 |  |  |  | 1,5 | 1,0 |
| 3. Áp suất | 2  0,5 |  | 3  0,75 | 1  1,0 | 1  0,25 | 1  1,0 |  |  | 1,5 | 2,0 |
| 4. Lực đẩy Acsimet | 1  0,25 |  |  |  | 1  0,25 |  |  | 1  1,0 | 0,5 | 1,0 |
| **Tổng điểm** | **2,5** | **0,5** | **1,5** | **2,0** | **1,0** | **1,5** | **0** | **1,0** | **10 điểm** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS ĐỨC GIANG** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I MÔN VẬT LÍ 8**  **Năm học 2019 - 2020**  **Thời gian làm bài: 45 phút** |

**HƯỚNG DẪN CHẤM:**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (5 điểm):** *Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.*

**Đáp án đề 001:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Chọn** | **Câu** | **Chọn** | **Câu** | **Chọn** | **Câu** | **Chọn** | **Câu** | **Chọn** |
| **1** | C:\Users\Administrator\AppData\Local\Temp\tmpC5A7.tmp | **5** | tmpC5A8 | **9** | tmpC5A5 | **13** | tmpC5A6 | **17** | tmpC5A6 |
| **2** | C:\Users\Administrator\AppData\Local\Temp\tmpC5A8.tmp | **6** | C:\Users\Administrator\AppData\Local\Temp\tmpC5A5.tmp | **10** | tmpC5A8 | **14** | tmpC5A6 | **18** | tmpC5A6 |
| **3** | tmpC5A7 | **7** | C:\Users\Administrator\AppData\Local\Temp\tmpC5A6.tmp | **11** | tmpC5A5 | **15** | tmpC5A7 | **19** | tmpC5A5 |
| **4** | tmpC5A8 | **8** | tmpC5A6 | **12** | tmpC5A5 | **16** | tmpC5A7 | **20** | tmpC5A8 |

**Đáp án đề 002:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Chọn** | **Câu** | **Chọn** | **Câu** | **Chọn** | **Câu** | **Chọn** | **Câu** | **Chọn** |
| **1** | C:\Users\Administrator\AppData\Local\Temp\tmpD4F8.tmp | **5** | tmpD4F8 | **9** | tmpD4F8 | **13** | tmpD4F9 | **17** | tmpD4F9 |
| **2** | tmpD4F8 | **6** | C:\Users\Administrator\AppData\Local\Temp\tmpD4F6.tmp | **10** | tmpD4F7 | **14** | tmpD4F7 | **18** | tmpD4F9 |
| **3** | C:\Users\Administrator\AppData\Local\Temp\tmpD4F7.tmp | **7** | tmpD4F7 | **11** | tmpD4F9 | **15** | tmpD4F6 | **19** | tmpD4F6 |
| **4** | C:\Users\Administrator\AppData\Local\Temp\tmpD4F9.tmp | **8** | tmpD4F6 | **12** | tmpD4F7 | **16** | tmpD4F6 | **20** | tmpD4F7 |

**Đáp án đề 003:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Chọn** | **Câu** | **Chọn** | **Câu** | **Chọn** | **Câu** | **Chọn** | **Câu** | **Chọn** |
| **1** | C:\Users\Administrator\AppData\Local\Temp\tmpE66A.tmp | **5** | tmpE66A | **9** | tmpE668 | **13** | tmpE66B | **17** | tmpE66A |
| **2** | C:\Users\Administrator\AppData\Local\Temp\tmpE668.tmp | **6** | tmpE668 | **10** | tmpE66B | **14** | tmpE668 | **18** | tmpE669 |
| **3** | C:\Users\Administrator\AppData\Local\Temp\tmpE66B.tmp | **7** | C:\Users\Administrator\AppData\Local\Temp\tmpE669.tmp | **11** | tmpE66A | **15** | tmpE669 | **19** | tmpE66B |
| **4** | tmpE66A | **8** | tmpE669 | **12** | tmpE66B | **16** | tmpE669 | **20** | tmpE668 |

**Đáp án đề 004:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Chọn** | **Câu** | **Chọn** | **Câu** | **Chọn** | **Câu** | **Chọn** | **Câu** | **Chọn** |
| **1** | C:\Users\Administrator\AppData\Local\Temp\tmpFA4E.tmp | **5** | tmpFA4D | **9** | tmpFA4C | **13** | tmpFA4B | **17** | tmpFA4C |
| **2** | C:\Users\Administrator\AppData\Local\Temp\tmpFA4B.tmp | **6** | tmpFA4D | **10** | tmpFA4E | **14** | tmpFA4B | **18** | tmpFA4E |
| **3** | C:\Users\Administrator\AppData\Local\Temp\tmpFA4D.tmp | **7** | C:\Users\Administrator\AppData\Local\Temp\tmpFA4C.tmp | **11** | tmpFA4C | **15** | tmpFA4D | **19** | tmpFA4D |
| **4** | tmpFA4E | **8** | tmpFA4B | **12** | tmpFA4E | **16** | tmpFA4D | **20** | tmpFA4C |

**II. PHẦN TỰ LUẬN: (5 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Biểu điểm** |
| **Câu 1**  ***(1,0 điểm)*** | Thời gian xe đi trên đoạn đường còn lại: t2 =  = 1 (h) | **0,5đ** |
| = 38,4 (km/h) | **0,5đ** |
| **Câu 2**  ***(1,0 điểm)*** | Giải thích: Nếu ta gõ mạnh đuôi cán búa xuống đất thì cán búa và đầu búa đều chuyển động xuống dưới. Khi cán búa tiếp xúc với mặt đất thì đột ngột dừng lại còn đầu búa vẫn chuyển động xuống dưới theo quán tính nên đầu búa lún sâu vào cán búa, làm cho búa chắc hơn. | **1,0đ** |
| **Câu 3**  ***(3,0 điểm)*** | \* Trọng lượng của vật: P = 10.m = 10. 2,5 = 25 (N)  \* Đổi: 125 cm2 = 0,0125 m2  a. Áp suất do vật tác dụng lên mặt bàn là: p = = 2000 (Pa) | **1,0đ** |
| b. Áp suất của nước tác dụng lên vật là: p = d.h = 10 000.0,5 = 5000 (Pa) | **1,0đ** |
| c. - Thể tích vật nặng: V = ≈ 0,00032 m3  - Lực đẩy Ac-si-met tác dụng lên vật: FA = d.V = 10 000.0,00032 = 3,2 (N) | **1,0 đ** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người ra đề**  ***Nguyễn Hồng Nhung*** | **Nhóm trưởng duyệt**  ***Nguyễn Viết Toàn*** | **BGH duyệt**  ***Nguyễn Thị Thanh Huyền*** |